

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH KHÁNH HÒA**
Bản án số: 55/2017/DS-ST
Ngày: 20-9-2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đại Hải

2. Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 54/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa.

Bà H ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Đỗ Thị A, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường D, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. (Bà A vắng mặt)

*** Bị đơn:** 1. Ông Lâm R, sinh năm: 1935

2. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1947

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường U, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã T, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa.

(Ông R có mặt, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2017 nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:** Ngày 25/12/2013 âm lịch (tức ngày 25/01/2014 dương lịch), vợ chồng ông Lâm R và bà Trần Thị B có đến nhà bà Phạm Thị H hỏi vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng để mua bán thức ăn cho tôm và hẹn 03 tháng sau sẽ trả cho bà H. Để bà H tin tưởng cho vay, ông R bà B có thể chấp cho bà H 02 bản

chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 392052 và AB 392053. Vợ chồng ông R bà B hứa khi nào bà H cần thì vợ chồng ông bà sẽ trả cả gốc và lãi (3%/tháng) cho bà H.

Đến ngày 18/02/2014 âm lịch (tức ngày 18/3/2014 dương lịch), ông R bà B trả 40.000.000 đồng, nợ lại 30.000.000 đồng và nhận lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 392052.

Số tiền còn lại bà H đã nhiều lần yêu cầu ông R bà B phải trả cho bà H nhưng ông bà cố tình không trả. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm R và bà Trần Thị B phải trả cho bà H một lần hết số tiền vay 30.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng nhà nước tính từ ngày vay đến ngày vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2017 và biên bản hòa giải ngày 17/8/2017 bị đơn ông Lâm R trình bày:* Vợ chồng ông bà không có quan hệ gì với bà Phạm Thị H, người quen giới thiệu với ông bà là bà H có cho vay tiền nên khi cần tiền làm ăn ông bà đã vay của bà H. Vợ chồng ông có vay tiền của bà H nhưng không nhớ năm nào để nuôi tôm, số tiền vay là 30.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, trong giấy này không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên hai bên có thỏa thuận miệng tiền lãi mỗi tháng phải trả là 1.200.000 đồng. Vợ chồng ông đã trả tiền lãi được cho bà H hơn 03 năm. Sau đó, vì già yếu, làm ăn thua lỗ nên không trả được cho bà H tiền. Để tạo lòng tin cho bà H vợ chồng ông bà đã đưa cho bà H giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn N, xã Y.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng, ông bà không vay số tiền này nhưng chữ ký trong giấy mượn nợ ngày 25/12/2013 âm lịch là chữ ký của vợ chồng ông bà.

Trong giấy nợ ngày 18/02/2014 âm lịch do con gái ông bà là chị Lâm Thị T ký, vợ chồng ông bà không có trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền này là tiền vợ chồng ông trả lãi. Ông thừa nhận là còn nợ của bà H số tiền 30.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng Nhà nước tính từ khi vay đến ngày xét xử. Vợ chồng ông đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ và không đồng ý trả tiền lãi.

** Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/8/2017 bị đơn bà Trần Thị B trình bày:* Bà B thống nhất với ý kiến trình bày của ông R.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V:*

- Về tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết buộc vợ chồng ông Lâm R và bà Trần Thị B phải trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Ngày 29/8/2017, bị đơn bà Trần Thị B và ngày 14/9/2017, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà A và bà B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị A yêu cầu bị đơn ông Lâm R, bà Trần Thị B phải trả cho bà Phạm Thị H một lần số tiền 30.000.000 đồng. Bị đơn ông R, bà B thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà H số tiền 30.000.000 đồng, ông bà đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Bị đơn ông R cho rằng vợ chồng ông bà chỉ vay nợ bà H số tiền 30.000.000 đồng, không vay 70.000.000 đồng nhưng đồng ý chữ ký trong giấy mượn nợ ngày 25/12/2013 âm lịch là chữ ký của vợ chồng ông bà và ông cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho sự việc này; ông bà cũng không trả cho bà H một lần số tiền 40.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 18/02/2014 âm lịch mà đây là tiền trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, ông thừa nhận chữ ký Lâm Thị T trong giấy nợ ngày 18/02/2014 âm lịch là chữ ký của chị T con gái ông, ông R không yêu cầu Tòa án triệu tập chị T tham gia tố tụng vì sự việc vợ chồng còn nợ bà H 30.000.000 đồng đã rõ ràng, không liên quan đến chị T. Do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 25/12/2013 âm lịch và xác nhận nợ ngày 18/02/2014 âm lịch do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ngày 25/12/2013 âm lịch ông R, bà B có vay bà H số tiền 70.000.000 đồng, đến ngày 18/02/2014 âm lịch ông R đã trả cho bà H 40.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Sau đó, bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông R trả nợ nhưng vợ chồng ông không trả.

Xét việc vay tài sản giữa nguyên đơn bà H và bị đơn ông R, bà B là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, bị đơn không thực hiện việc trả nợ mặc dù nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn trả, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, bà H yêu cầu ông R, bà B phải trả cho bà số tiền nợ gốc 30.000.000 là có cơ sở, phù hợp với các Điều 471, Điều 474 và Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất ngân hàng nhà nước kể từ ngày vay đến ngày

20/9/2017. Bị đơn xin không trả lãi. Ngày 25/12/2013 âm lịch ông R, bà B vay bà H số tiền 70.000.000 đồng, đến ngày 18/02/2014 âm lịch ông R đã trả cho bà H 40.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Do đó, ngày tính tiền lãi vay bắt đầu từ ngày 18/02/2014 âm lịch, tức ngày 18/3/2014 dương lịch. Tại Công văn số 219/NHNo-CR ngày 11/7/2017 về việc hướng dẫn lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam, lãi suất cho vay tín chấp cá nhân ngắn hạn phục vụ nhu cầu đời sống là 10%/năm (tức là 0,83%/tháng). Vậy, tiền lãi từ 18/3/2014 đến ngày 20/9/2017 lãi suất 0,83%/tháng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 42 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 10.474.800 \text{ đồng}$. Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 25/12/2013 âm lịch, xác nhận nợ ngày 18/02/2014 âm lịch thì đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi 10.474.800 đồng.

[2.3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AB 392053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00035, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 8, diện tích 320m^2 do UBND thị xã V (nay là thành phố V) cấp cho ông R, bà B ngày 15/02/2006 tọa lạc tại thôn N, xã Y, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa: Vợ chồng ông R, bà B giao cho bà H giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không phải là tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó, bà H phải trả lại cho ông R, bà B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

[3] Về án phí:

[3.1] Bà Phạm Thị H phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể: $10.474.800 \text{ đồng} \times 5\% = 523.740 \text{ đồng}$.

[3.2] Ông Lâm R, bà Trần Thị B phải nộp 1.500.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ngày 18/8/2017, ông R, bà B có đơn xin miễn, giảm tiền án phí vì bản thân là người cao tuổi, không còn khả năng lao động, có xác nhận của chính quyền địa phương nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho ông R, bà B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, Điều 474 và Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H: Buộc ông Lâm R và bà Trần Thị B phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị H yêu cầu bị đơn ông Lâm R và bà Trần Thị B phải trả cho bà số tiền lãi 10.474.800 (Mười triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm đồng).

3. Bà Phạm Thị H phải trả cho vợ chồng ông Lâm R và bà Trần Thị B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AB 392053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00035, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 8, diện tích 320m² do UBND thị xã V (nay là thành phố V) cấp cho ông R, bà B ngày 15/02/2006 tọa lạc tại thôn N, xã Y, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa

4. Về án phí:

- Bà Phạm Thị H phải nộp 523.740 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011673 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Do đó, hoàn lại cho bà H 226.260 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với ông Lâm R và bà Trần Thị B.

4. Quy định: Kể từ ngày bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lâm R và bà Trần Thị B không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p V;
- CCTHADS t.p V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công